

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **114/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 18 - 12 - 2025.

V/v tranh chấp: *Ly hôn*.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LÂM ĐỒNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Nguyễn Đức Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sáu

2. Ông Phạm Đức Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bắc** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng.

Ngày **18** tháng **12** năm **2025** tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 169/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự.

* **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị H**, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Số 168, Thôn Tân Phú 1, xã B, tỉnh Lâm Đồng. (*có mặt*).

* **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Xuân C**, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Số 168, Thôn Tân Phú 1, xã B, tỉnh Lâm Đồng. (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 16 tháng 9 năm 2025 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn bà Trần Thị H và bị đơn ông Nguyễn Xuân C trình bày:

1- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Xuân C tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện D (nay là xã B), tỉnh Lâm Đồng vào ngày 12/10/2010, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục.

Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Xuân C đều cho rằng: Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung và mâu thuẫn về cách làm ăn kinh tế. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 08/2024 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Trần Thị H và ông Nguyễn Xuân C thống nhất thuận tình ly hôn.

2- Về con chung: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Xuân C đều trình bày vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Phi C1, sinh ngày

24/9/2012 và cháu Nguyễn Hoàng Kim C2, sinh ngày 10/6/2016. Hiện nay 02 con chung đang ở với ông Nguyễn Xuân C.

Khi ly hôn, bà Trần Thị H yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Kim C2 cho đến khi đủ tuổi thành niên và đồng ý giao cháu Nguyễn Hoàng Phi C1 cho ông Nguyễn Xuân C có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên. Bà Trần Thị H không yêu cầu ông Nguyễn Xuân C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Còn ông Nguyễn Xuân C yêu cầu được nhận nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên. Ông Nguyễn Xuân C không yêu cầu bà Trần Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Xuân C trình bày vợ chồng tự thỏa thuận chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4- *Về nợ chung*: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Xuân C trình bày không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bà Trần Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Xuân C. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Xuân C tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện D (nay là xã B), tỉnh Lâm Đồng vào ngày 12/10/2010, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị H và ông Nguyễn Xuân C là hoàn toàn hợp pháp.

Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Xuân C đều cho rằng: Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung và mâu thuẫn về cách làm ăn kinh tế. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 08/2024 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Trần Thị H và ông Nguyễn Xuân C thống nhất thuận tình ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị H, công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị H và ông Nguyễn Xuân C.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng:

Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Xuân C đều trình bày vợ chồng chung sống

có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Phi C1, sinh ngày 24/9/2012 và cháu Nguyễn Hoàng Kim C2, sinh ngày 10/6/2016. Hiện nay 02 con chung đang ở với ông Nguyễn Xuân C.

Khi ly hôn, bà Trần Thị H yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Kim C2 cho đến khi đủ tuổi thành niên và đồng ý giao cháu Nguyễn Hoàng Phi C1 cho ông Nguyễn Xuân C có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên. Bà Trần Thị H không yêu cầu ông Nguyễn Xuân C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Còn ông Nguyễn Xuân C yêu cầu được nhận nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên. Ông Nguyễn Xuân C không yêu cầu bà Trần Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, hiện nay các con chung còn nhỏ và đang có cuộc sống ổn định với ông Nguyễn Xuân C. Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị H trình bày do mâu thuẫn vợ chồng nên bà Trần Thị H đã bỏ về nhà cha mẹ để sống từ tháng 08/2024 cho đến nay. Còn ông Nguyễn Xuân C thì trình bày từ khi bà Trần Thị H đã bỏ về nhà cha mẹ để sống thì 02 con chung đều ở với ông Nguyễn Xuân C và do ông Nguyễn Xuân C chăm sóc, nuôi dưỡng; còn bà Trần Thị H không quan tâm gì đến các con chung. Ông Nguyễn Xuân C cho rằng mình có đủ điều kiện về kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Vì vậy, để không ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại cũng như tâm lý của con chung và phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Xuân C về việc nhận nuôi dưỡng con chung; giao cả 02 con chung cho ông Nguyễn Xuân C có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên.

Ông Nguyễn Xuân C không yêu cầu nên bà Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về tài sản chung*: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Xuân C trình bày vợ chồng tự thỏa thuận chia và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4] *Về nợ chung*: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Xuân C trình bày vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.5] *Về án phí*: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 212, Điều 213 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. **Xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với ông Nguyễn Xuân C về việc tranh chấp “Ly hôn”.

Công nhận sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị H và ông Nguyễn Xuân C.

Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Xuân C thuận tình ly hôn.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Phi C1, sinh ngày 24/9/2012 và cháu Nguyễn Hoàng Kim C2, sinh ngày 10/6/2016 cho ông Nguyễn Xuân C có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Bà Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3/ Về tài sản chung: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Xuân C trình bày vợ chồng tự thỏa thuận chia và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

4/ Về nợ chung: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Xuân C trình bày vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

5/ Về án phí: Bà Trần Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Trần Thị H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003652 ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà Trần Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

6/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/12/2025), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhân:

- VKSND, TAND tỉnh Lâm Đồng
- VKSND khu vực 4 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 4 - Lâm Đồng;
- UBND xã B, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường